

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
DOMESCO**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch
Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Andrew Hamish Lane	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Tiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014)
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014)
Ông Jose Guillermo Frugone Domke	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014)
Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *xu*



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015

CH
CI
CH
DE
VI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 28 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		637.711.235.448	713.042.270.001
I. Tiền	110		28.704.479.874	26.583.405.717
1. Tiền	111	5	28.704.479.874	26.583.405.717
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.800.071.116	334.627.844.209
1. Phải thu khách hàng	131		285.226.783.475	324.726.457.509
2. Trả trước cho người bán	132		5.493.906.577	5.874.683.390
3. Các khoản phải thu khác	135	6	5.240.525.285	8.528.765.627
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.161.144.221)	(4.502.062.317)
IV. Hàng tồn kho	140	7	311.931.071.448	312.071.736.606
1. Hàng tồn kho	141		312.508.352.878	312.071.736.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(577.281.430)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.275.613.010	9.759.283.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.634.155.904	2.751.500.087
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		317.577.717	881.116.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		249.425.846	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.074.453.543	6.126.666.448
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		294.589.211.899	306.731.130.334
I. Tài sản cố định	220		269.616.935.541	283.511.372.844
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	216.029.668.148	227.192.731.395
- Nguyên giá	222		417.067.793.859	394.715.050.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.038.125.711)	(167.522.318.990)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	51.901.666.348	51.888.354.748
- Nguyên giá	228		56.338.155.470	54.892.739.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.436.489.122)	(3.004.384.722)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.685.601.045	4.430.286.701
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	9.703.601.994	11.531.142.437
1. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000.000	20.626.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.296.398.006)	(9.094.857.563)
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.268.674.364	11.688.615.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.728.672.320	6.784.049.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	4.540.002.044	4.904.565.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		932.300.447.347	1.019.773.400.335

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		210.454.233.249	389.208.261.991
I. Nợ ngắn hạn	310		209.383.801.704	386.985.482.162
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	108.760.969.774
2. Phải trả người bán	312		142.023.624.684	190.361.310.709
3. Người mua trả tiền trước	313		4.832.786.231	20.689.910.321
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	15.688.317.501	10589250715
5. Phải trả người lao động	315		21.061.041.379	21.329.777.541
6. Chi phí phải trả	316	16	21.509.015.986	25.868.651.820
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	3.466.055.721	8.548.204.558
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		802.960.202	837.406.724
II. Nợ dài hạn	330		1.070.431.545	2.222.779.829
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.070.431.545	2.222.779.829
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		721.846.214.098	628.503.626.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	721.846.214.098	628.503.626.930
1. Vốn điều lệ	411		267.137.970.000	178.093.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.470.629.894	229.515.239.894
3. Quỹ đầu tư và phát triển	417		171.987.351.520	129.298.538.315
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	17.809.336.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124.440.926.684	73.787.152.721
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	19	-	2.061.511.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+ 400+500)	600		932.300.447.347	1.019.773.400.335


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


1. Ngoại tệ
- Đô la Mỹ (USD)


Thuyết minh
31/12/2014 31/12/2013

20.427.64

236.603,05


Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng


Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.657.961.075.664		1.587.369.452.488	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	171.901.524.889		157.760.873.827	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.486.059.550.775		1.429.608.578.661	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	1.061.497.056.947		1.017.485.872.610	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		424.562.493.828		412.122.706.051	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.127.643.272		6.289.570.901	
7. Chi phí tài chính	22	26	7.603.247.669		9.645.861.795	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.658.678.953		5.358.843.225	
8. Chi phí bán hàng	24		140.722.717.607		167.214.851.302	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		122.134.176.330		111.176.751.621	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		160.229.995.494		130.374.812.234	
11. Thu nhập khác	31		9.014.323.818		5.540.070.578	
12. Chi phí khác	32		547.722.340		1.448.062.143	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.466.601.478		4.092.008.435	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		168.696.596.972		134.466.820.669	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	36.010.228.168		26.485.299.576	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	364.563.731		749.639.906	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		132.321.805.073		107.231.881.187	
Phân bổ cho:						
- Lợi ích của cổ đông thiểu số					-	(287.724.674)
- Lợi ích của cổ đông Công ty			132.321.805.073		107.519.605.861	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	4.953		4.025	



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>168.696.596.972</i>	<i>134.466.820.669</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.992.911.103	30.700.529.035
Các khoản dự phòng	03	1.437.903.777	2.720.330.515
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(324.003.330)	(241.699.625)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.946.618.550)	(7.219.552.638)
Chi phí lãi vay	06	5.658.678.953	5.358.843.225
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>207.515.468.925</i>	<i>165.785.271.181</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	43.482.910.497	(60.096.607.570)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(436.616.272)	(91.242.644.765)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(92.770.325.452)	85.287.803.424
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.403.732.665	3.085.625.560
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.866.530.397)	(5.339.287.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.992.836.353)	(32.641.766.167)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.779.713.643	121.509.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(10.956.738.982)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>122.115.517.256</i>	<i>54.003.164.608</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(25.955.394.433)	(34.206.347.739)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	157.720.018	3.091.082.726
3. Tiền chi cho vay	23	-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	30.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(282.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.261.640.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.490.258.550	4.043.869.912
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>7.672.224.135</i>	<i>(57.071.395.101)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	175.828.023.328	199.848.018.490
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(284.588.993.102)	(168.506.734.745)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.905.706.375)	(39.007.650.725)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(127.666.676.149)</i>	<i>(7.666.366.980)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.121.065.242	(10.734.597.473)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.583.405.717	37.317.855.539
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.916	147.651
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	28.704.479.874	26.583.405.717

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

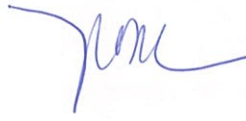
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 13.510.900 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 219.559.375 đồng) là số tiền cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền nên không trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

25
11
01
NH
L
/ET
/TI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy tính và bằng sáng chế được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 02 đến 06 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.356.771.205	2.614.997.819
Tiền gửi ngân hàng	26.347.708.669	23.968.407.898
	<u>28.704.479.874</u>	<u>26.583.405.717</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu mua hàng	-	3.645.853.171
Phải thu thuế thu nhập cá nhân từ nhân viên	1.149.518.180	1.199.062.768
Các khoản phải thu khác	4.091.007.105	3.683.849.688
	<u>5.240.525.285</u>	<u>8.528.765.627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đi đường	10.734.296.550	29.054.525.537
Nguyên liệu, vật liệu	99.978.244.061	71.682.965.459
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.172.002.963	38.406.296.904
Thành phẩm	115.430.527.472	103.973.530.934
Hàng hóa	67.193.281.832	68.954.417.772
	<u>312.508.352.878</u>	<u>312.071.736.606</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(577.281.430)	-
	<u>311.931.071.448</u>	<u>312.071.736.606</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	1.663.976.868	3.475.290.041
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.410.476.675	2.651.376.407
	<u>3.074.453.543</u>	<u>6.126.666.448</u>

500-
NHÀ
IG
IEM
OIT
TN
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	173.166.923.995	180.652.258.369	31.334.407.827	9.561.460.194	394.715.050.385
Tăng trong năm	371.439.969	1.297.298.218	4.404.170.909	-	6.072.909.096
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	14.909.372.019	1.058.609.635	411.852.724	16.379.834.378
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	173.538.363.964	196.858.928.606	36.797.188.371	9.873.312.918	417.067.793.859
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	50.637.721.916	94.658.240.915	15.180.701.808	7.045.654.351	167.522.318.990
Khấu hao trong năm	7.936.178.265	19.179.453.522	5.212.467.818	1.232.707.098	33.560.806.703
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(44.999.982)	(44.999.982)
Tại ngày 31/12/2014	58.573.900.181	113.837.694.437	20.393.169.626	8.233.361.467	201.038.125.711
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	114.964.463.783	83.021.234.169	16.404.018.745	1.639.951.451	216.029.668.148
Tại ngày 01/01/2014	122.529.202.079	85.994.017.454	16.153.706.019	2.515.805.843	227.192.731.395

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 75.600.012.548 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 66.743.178.487 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bảng sáng chế VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	51.753.032.828	1.710.801.880	1.428.904.762	54.892.739.470
Tăng trong năm	-	168.416.000	1.277.000.000	1.445.416.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>51.753.032.828</u>	<u>1.879.217.880</u>	<u>2.705.904.762</u>	<u>56.338.155.470</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.652.437.508	1.130.063.087	221.884.127	3.004.384.722
Khấu hao trong năm	730.924.548	219.933.132	481.246.720	1.432.104.400
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.383.362.056</u>	<u>1.349.996.219</u>	<u>703.130.847</u>	<u>4.436.489.122</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>49.369.670.772</u>	<u>529.221.661</u>	<u>2.002.773.915</u>	<u>51.901.666.348</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>50.100.595.320</u>	<u>580.738.793</u>	<u>1.207.020.635</u>	<u>51.888.354.748</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 785.418.128 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 697.218.128 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình KCN Cần Lố: Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Nhà máy SX thuốc viên-cốm-bột	246.901.546	246.901.546
Nhà máy bao bì sạch	370.140.909	370.140.909
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	245.962.287	245.962.287
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Máy móc, thiết bị	118.117.943	2.862.803.599
Công trình hồ chứa nước và đài nước - hạ tầng kinh tế cụm công nghiệp dược	86.576.730	86.576.730
Công Trình Nhà Lò Hơi - Cụm CN Dược Cần Lố	52.719.145	52.719.145
	<u>1.685.601.045</u>	<u>4.430.286.701</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	-	626.000.000
Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(10.296.398.006)	(9.094.857.563)
	<u>9.703.601.994</u>	<u>11.531.142.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(*) Công ty đang nắm giữ 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền là 20 tỷ đồng và chiếm tỉ lệ 6,67% quyền sở hữu tại ngày kết thúc kỳ báo cáo của Công ty CP Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	8.314.465.663	4.288.213.664
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	1.653.505.061	1.065.529.243
Chi phí sửa chữa	760.701.596	1.430.306.371
	<u><u>10.728.672.320</u></u>	<u><u>6.784.049.278</u></u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả
	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	5.654.205.681
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(749.639.906)
Tại ngày 01/01/2014	<u>4.904.565.775</u>
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(364.563.731)
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>4.540.002.044</u></u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.157.691.985	275.556.404
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.938.405	60.102.976
Thuế xuất nhập khẩu	-	166.699.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.680.704.303	8.663.312.488
Thuế thu nhập cá nhân	897.983.960	1.182.751.818
Thuế tài nguyên	536.118	167.188
Các loại thuế khác	947.462.730	240.660.040
	<u><u>15.688.317.501</u></u>	<u><u>10.589.250.715</u></u>

001
 CH
 C
 ÁCH
 DE
 VI
 1-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hoa hồng bán hàng	20.636.372.929	25.197.429.011
Chi phí trích trước khác	872.643.057	463.371.365
Lãi vay trích trước	-	207.851.444
	<u>21.509.015.986</u>	<u>25.868.651.820</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.745.239.315	2.267.816.740
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	552.119.533	1.034.804.601
Thù lao Hội đồng Quản trị	505.989.987	285.490.000
Phải trả phải nộp khác	266.006.235	160.592.784
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	236.091.160	288.160.269
Bảo hiểm xã hội tính (chi hộ tiền ốm đau, thai sản)	57.450.100	19.389.600
Sở KHCN Đồng Tháp - Đề tài Enzyme từ đậu nành	55.915.716	714.999
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp/ Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	27.721.300	5.044.300
Cổ tức	13.510.900	219.559.375
Đại học Y Dược	6.000.000	6.000.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	11.475	3.957.684.105
Sở Y Tế Lâm Đồng/ Chuyển nhằm tài khoản	-	302.947.785
	<u>3.466.055.721</u>	<u>8.548.204.558</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty mẹ như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	26.713.797	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	26.713.797	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số lượng cổ phần và tỉ lệ năm giữ				Vốn đã góp	
	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 31/12/2013
	Cổ phần	%	Cổ phần	%	VND	VND
Công ty TNHH CFR International Spa	12.271.530	45,94	8.181.020	45,94	122.715.300.000	81.810.200.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	9.272.667	34,71	6.181.778	34,71	92.726.670.000	61.817.780.000
Cổ đông khác	5.169.600	19,35	3.446.538	19,35	51.696.000.000	34.465.380.000
	<u>26.713.797</u>	<u>100</u>	<u>17.809.336</u>	<u>100</u>	<u>267.137.970.000</u>	<u>178.093.360.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư và phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2013	178.093.360.000	229.515.239.894	102.846.539.106	17.809.336.000	42.074.048.718	570.338.523.718					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	107.231.881.187	107.231.881.187					
Phân phối quỹ	-	-	36.591.667.446	-	(36.591.667.446)	-					
Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế	-	-	(9.466.965.927)	-	9.466.965.927	-					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.435.103.747)	(7.435.103.747)					
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(39.180.539.200)	(39.180.539.200)					
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)					
Tăng khác	-	-	117.660.000	-	721.567.282	839.227.282					
Chi khác	-	-	(790.362.310)	-	-	(790.362.310)					
Tại 01/01/2014	178.093.360.000	229.515.239.894	129.298.538.315	17.809.336.000	73.787.152.721	628.503.626.930					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	132.321.805.073	132.321.805.073					
Tăng vốn	89.044.610.000	(89.044.610.000)	-	-	-	-					
Phân phối quỹ	-	-	41.179.478.967	-	(41.179.478.967)	-					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(18.400.173.510)	(18.400.173.510)					
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(18.699.657.900)	(18.699.657.900)					
Trích thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)					
Tăng/(giảm) khác	-	-	1.781.833.500	-	(938.488.586)	843.344.914					
Chi khác	-	-	(272.499.262)	-	49.767.853	(222.731.409)					
Tại 31/12/2014	267.137.970.000	140.470.629.894	171.987.351.520	17.809.336.000	124.440.926.684	721.846.214.098					

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ-DMC thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, cụ thể:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 15.900.173.510 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013. Theo đó, số tiền tạm trích trong năm 2013 là 5.500.000.000 đồng và trích thêm trong năm 2014 là 10.400.173.510 đồng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với số tiền là 8.000.000.000 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 41.179.478.979 đồng và thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát là 2.500.000.000 đồng.
- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 bằng tiền mặt với số tiền là 45.413.661.900 đồng (đã tạm chi trả trong năm 2013 là 26.714.004.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo Quyết định số 09/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 02 năm 2014, Công ty đã trích số tiền là 1.007.842.344 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 cho Cán bộ Công nhân viên của Công ty và số tiền này đã được chi trả trong năm 2014.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHCĐ-DMC ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho các cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phần phát hành thêm là 8.904.461 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần tương đương với 89.044.610.000 đồng theo tỷ lệ 2:1. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24 tháng 02 năm 2014.

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Trong năm, Công ty đã mua toàn bộ số vốn góp của các cổ đông thiểu số tại công ty con và khoản bất lợi thương mại phát sinh đã được Công ty ghi nhận vào báo cáo lãi lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại Công ty TNHH Domenol được xác định như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn góp của Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn phân bổ cho Công ty	10.000.000.000	7.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	3.000.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>0%</u>	<u>30%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	10.342.813.411	11.245.505.898
Tổng nợ phải trả	(3.560.613.506)	(4.373.801.184)
Tài sản thuần	<u>6.782.199.905</u>	<u>6.871.704.714</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	10.000.000.000	10.000.000.000
Lỗi lũy kế	(3.217.800.095)	(3.128.295.286)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	2.061.511.414
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	-	3.000.000.000
Lỗi lũy kế	-	(938.488.586)

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm hoạt động như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗi trong năm	(89.504.809)	(959.082.246)
Lỗi của cổ đông thiểu số	<u>-</u>	<u>(287.724.674)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu sản xuất thuốc	1.298.205.314.203	1.165.848.154.685
Doanh thu bán hàng hóa	349.444.568.515	409.910.190.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.630.560.082	7.196.308.463
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	5.605.999.331	4.062.019.825
Doanh thu sản xuất rượu	74.633.533	352.779.347
	<u><u>1.657.961.075.664</u></u>	<u><u>1.587.369.452.488</u></u>

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	167.960.713.445	153.512.120.361
Hàng bán bị trả lại	3.910.059.243	4.102.555.157
Thuế tiêu thụ đặc biệt	30.752.201	146.198.309
	<u><u>171.901.524.889</u></u>	<u><u>157.760.873.827</u></u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	325.934.993.161	378.811.368.022
Giá vốn sản xuất thuốc	732.691.306.202	636.031.897.191
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	2.819.016.924	2.448.290.637
Giá vốn sản xuất rượu	51.740.660	194.316.760
	<u><u>1.061.497.056.947</u></u>	<u><u>1.017.485.872.610</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	985.179.759.989	946.286.284.163
Chi phí nhân công	157.473.627.676	139.689.204.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.992.911.103	30.700.529.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.932.359.831	145.792.092.102
Chi phí khác	35.800.551.845	33.545.072.971
	<u>1.324.379.210.444</u>	<u>1.296.013.182.495</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu	2.043.617.925	4.043.869.912
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.405.658.550	1.490.202.974
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	270.286.350	429.198.390
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	324.003.330	241.699.625
Cổ tức lợi nhuận được chia	84.600.000	84.600.000
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	1.353.640.000	-
Khác	645.837.117	-
	<u>6.127.643.272</u>	<u>6.289.570.901</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.658.678.953	5.358.843.225
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.201.540.443	3.109.499.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	742.159.316	1.176.814.090
Chi phí tài chính khác	868.957	704.929
	<u>7.603.247.669</u>	<u>9.645.861.795</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.696.596.972	134.466.820.669
Cộng :	(3.494.581.640)	1.388.555.595
Các khoản chi phí không được khấu trừ	(3.584.386.381)	724.998.336
Lỗ từ công ty con	89.804.741	663.557.259
Trừ:	(109.808.617)	(84.600.000)
Thu nhập không chịu thuế	(109.808.617)	(84.600.000)
Thu nhập chịu thuế	165.092.206.715	135.770.776.264
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>36.010.228.168</u>	<u>26.485.299.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế trong kỳ (năm 2013: thuế suất là 20% cho hoạt động sản xuất thuốc và 25% cho các hoạt động kinh doanh khác).

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Công ty con không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty con không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty con có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 2.483.031.588 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.814.290.196 đồng) có thể dùng để bù trừ lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về các khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản chuyển lỗ của Công ty con sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Lỗ tính thuế VND
2016	736.239.601
2017	1.083.214.728
2018	663.577.259
	<u><u>2.483.031.588</u></u>

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	132.321.805.073	107.519.605.861
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>26.713.797</u>	<u>26.713.797</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>4.953</u></u>	<u><u>4.025</u></u>

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được tính toán và trình bày lại do Công ty đã phát hành thêm 8.904.461 cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2014 như trình bày Tại thuyết minh số 18.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	<u>1.476.812.370</u>	<u>1.596.593.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	28.704.479.874	26.583.405.717
Đầu tư ngắn hạn	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.306.164.539	328.753.160.819
Ký quỹ, ký cược	1.410.476.675	2.651.376.407
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000
Tổng cộng	<u>316.421.121.088</u>	<u>388.613.942.943</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	108.760.969.774
Phải trả người bán và phải trả khác	145.489.668.930	194.951.831.162
Chi phí phải trả	21.509.015.986	25.868.651.820
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	1.070.431.545	2.222.779.829
Tổng cộng	<u>168.069.116.461</u>	<u>331.804.232.585</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	952.037.463	4.982.610.336	88.739.459.197	87.761.544.922
Đồng Euro (EUR)	-	-	602.412.720	12.083.391.414

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>4.389.371.087</u>	<u>4.138.946.729</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền	28.704.479.874	-	28.704.479.874
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.306.164.539	-	286.306.164.539
Ký quỹ, ký cược	1.410.476.675	-	1.410.476.675
Tổng cộng	316.421.121.088	-	316.421.121.088
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	145.489.668.930	-	145.489.668.930
Chi phí phải trả	21.509.015.986	-	21.509.015.986
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	-	1.070.431.545	1.070.431.545
Tổng cộng	166.998.684.916	1.070.431.545	168.069.116.461
Chênh lệch thanh khoản thuần	149.422.436.172	(1.070.431.545)	148.352.004.627
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.583.405.717	-	26.583.405.717
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.753.160.819	-	328.753.160.819
Ký quỹ, ký cược	2.651.376.407	-	2.651.376.407
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	387.987.942.943	626.000.000	388.613.942.943
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	108.760.969.774	-	108.760.969.774
Phải trả người bán và phải trả khác	194.951.831.162	-	194.951.831.162
Chi phí phải trả	25.868.651.820	-	25.868.651.820
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	-	2.222.779.829	2.222.779.829
Tổng cộng	329.581.452.756	2.222.779.829	331.804.232.585
Chênh lệch thanh khoản thuần	58.406.490.187	(1.596.779.829)	56.809.710.358

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Công ty TNHH CFR International Spa		
Mua hàng	<u>60.376.658.508</u>	<u>46.690.947.341</u>
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua hàng	<u>305.365.000</u>	<u>357.506.000</u>
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Phải trả		
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	133.963.500	-
Công ty TNHH CFR International Spa	<u>47.705.342.141</u>	<u>43.791.365.587</u>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.111.974.492</u>	<u>4.171.375.558</u>

Đoàn Thị Quyên
Người lập biểuPhạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởngLương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015